**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN – LỚP 12**

Yêu cầu:

HS: Đọc lại phần lí thuyết với các kiến thức cơ bản, vận dụng vào *làm các đề cụ thể (đề 1, đề 2, đề 3- Phần LUYỆN TẬP).*

**LÝ THUYẾT**

1. **PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Văn bản trong chương trình SGK hoặc văn bản ngoài SGK.

+ Đọc hiểu nội dung, chủ đề văn bản

+ Phong cách chức năng ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của văn bản…

+ Đọc hiểu từ ngữ, hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng.

HS cần nắm vững các kiến thức cơ bản, vận dụng chính xác, linh hoạt, sáng tạo để giải quyết các yêu cầu của bài.

***1. Các phong cách ngôn ngữ:***

-    Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức.

Biểu hiện: đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật ký,

-    *Phong cách ngôn ngữ khoa học* có kết cấu văn bản mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể) dùng nhiều thuật ngữ khoa học ít có biểu đạt mang tính cá nhân.

-    *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật* là phong cách ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn khả năng gây ấn tượng mạnh với người nghe người đọc. Đây là phong cách xây dựng hình tượng dựa trên các biện pháp tu từ với những ngôn từ được sắp xếp, chọn lọc mang lại giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ.

Biểu hiện: trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tuỳ bút, ca dao,… và các tác phẩm văn học nói chung

-    *Phong cách ngôn ngữ chính luận* là phong cách ngôn ngữ dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,… nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…theo một quan điểm chính trị nhất định.

-    *Phong cách ngôn ngữ hành chính* là phong cách ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính theo một khuôn mẫu nhất định, không sử dụng biện pháp tu từ, hàm ý, không sử dụng từ ngữ biểu đạt quan hệ, tình cảm cá nhân và sử dụng các lớp từ toàn dân, không sử dụng tiếng địa phương hay khẩu ngữ.

-    *Phong cách ngôn ngữ báo chí* là phong cách ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH.

***2. Các phương thức biểu đạt***

Cách làm bài đọc hiểu văn bản khi hỏi về các phương thức biểu đạt cần có những lưu ý:

– Thông thường một văn bản sẽ có sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt khác nhau nhưng bao giờ cũng sẽ có phương thức biểu đạt chính vì vậy khi làm bài, HS cần đọc kỹ đoạn văn để xác định được phương thức biểu đạt chính mà tác giả sử dụng xuyên suốt toàn bài.

– Các phương thức: nghị luận, miêu tả, tự sự, biểu cảm, hành chính, thuyết minh..

*3. Các thao tác lập luận*

Các thao tác lập luận sẽ bao gồm: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ.

*4. Các biện pháp tu từ*

Các biện pháp tu từ thường gặp bao gồm: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, nói giảm nói tránh, nói quá, tương phản, liệt kê, chơi chữ…

Tác dụng: cần nêu rõ hiệu quả, tránh trả lời chung chung

*5. Các thể thơ và đặc trưng*

Đặc trưng của các thể thơ: thơ lục bát, thơ song thất lục bát, các thể ngũ ngôn Đường luật, các thể thất ngôn Đường luật và các thể thơ hiện đại.

*6. Các hình thức lập luận của đoạn văn*

Các hình thức lập luận của đoạn văn bao gồm: diễn dịch, quy nạp, song hành, đoạn tổng – phân – hợp, đoạn móc xích.

*7. Một số phương tiện và phép liên kết*

Phương tiện liên kết là yếu tố ngôn ngữ được sử dụng nhằm làm bộc lộ mối dây liên lạc giữa các bộ phận có liên kết với nhau.

Các phép liên kết chính: phép lặp, phép thế, phép liên tưởng, phép nghịch đối, phép nối.

………………………..

1. **PHẦN LÀM VĂN**

**1. Nghị luận xã hội***:* HS viết đoạn văn nghị luận xã hội ( Khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về 1 tư tưởng đạo lý, 1 hiện tượng xã hội…

*Dàn ý:*

***\* Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:***

a. Mở bài:

- Dẫn dắt

- Nêu vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài:

\* Bước 1: Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (…).

Tùy theo yêu cầu đề bài có thể có những cách giải thích khác nhau:

- Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

Giải thích nghĩa đen của từ ngữ, rồi suy luận ra nghĩa bóng, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

- Giải thích mệnh đề, hình ảnh trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

\* Bước 2: Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (…)

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề.

Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào? Có thể lấy những dẫn chứng nào làm sáng tỏ?

\* Bước 3: Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến…):

- Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề, mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế của vấn đề.

- Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (…)

- Mở rộng vấn đề

\* Bước 4: Rút bài học nhận thức và hành động

- Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm, …( Thực chất trả lời câu hỏi: từ vấn đề bàn luận, hiểu ra điều gì? Nhận ra vấn đề gì có ý nghĩa đối với tâm hồn, lối sống bản thân?...)

- Bài học hành động - Đề xuất phương châm đúng đắn, phương hướng hành động cụ thể

(Thực chất trả lời câu hỏi: Phải làm gì? …)

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (…)

- Lời nhắn gửi đến mọi người (…)

***\* Nghị luận về một hiện tượng đời sống***

a. Mở bài:

- Dẫn dắt

- Nêu vấn đề

b. Thân bài:

\* Bước 1: Trình bày thực trạng – Mô tả hiện tượng đời sống được nêu ở đề bài (…).

Lưu ý: Khi miêu tả thực trạng, cần đưa ra những thông tin cụ thể, tránh lối nói chung chung, mơ hồ mới tạo được sức thuyết phục.

\* Bước 2: Phân tích những nguyên nhân – tác hại của hiện tượng đời sống đã nêu ở trên.

- Ảnh hưởng, tác động - Hậu quả, tác hại của hiện tượng đời sống được nêu

( với cá nhân, cộng đồng, xã hội …)

- Nguyên nhân:

+ Nguyên nhân khách quan (…)

+ Nguyên nhân chủ quan (…)

\* Bước 3: Bình luận về hiện tượng ( tốt/ xấu, đúng /sai...)

- Khẳng định: ý nghĩa, bài học từ hiện tượng đời sống đã nghị luận.

- Phê phán, bác bỏ một số quan niệm và nhận thức sai lầm có liên quan đến hiện tượng bàn luận (…).

- Hiện tượng từ góc nhìn của thời hiện đại, từ hiện tượng nghĩ về những vấn đề có ý nghĩa thời đại

\* Bước 4: Đề xuất những giải pháp:

Lưu ý: Cần dựa vào nguyên nhân để tìm ra những giải pháp khắc phục.

- Những biện pháp tác động vào hiện tượng đời sống để ngăn chặn (nếu gây ra hậu quả xấu) hoặc phát triển (nếu tác động tốt):

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về hiện tượng đời sống đã bàn (…)

- Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người (…)

**2. Nghị luận văn học**

***2.1 Dạng bài: Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.***

Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là nhằm tìm hiểu, phân tích từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ,…Từ phân tích trên để làm rõ được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.

**Cách làm**.

- Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.

- Bàn về những giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ đó.

**Dàn ý khái quát.**

a) Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, đoạn thơ.

 - Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

b) Thân bài:

 - Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).

- Cần chú ý khai thác từ ngữ, nhịp thơ, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.

- Diễn đạt phải rõ ràng, lời văn viết phải có cảm xúc.

- Mở rộng so sánh để bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh diễn xuôi ý thơ, viết lan man.

c) Kết bài:

- Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật bài thơ, đoạn thơ.

- Tuỳ vào từng đề bài mở rộng, liên hệ với đời sống

***2.2 Dạng bài: Nghị luận về 1 tác phẩm, đoạn trích văn xuôi***

**Cách làm.**

- Xác định yêu cầu của đề bài, những từ ngữ, câu văn chứa đựng nội dung phục vụ cho yêu cầu của đề.

- Xác lập được luận điểm chính, sử dụng các thao tác lập luận để làm rõ luận điểm.

- Kết hợp giữa phân tích nội dung và nghệ thuật, hành văn phải cô động, không sáo rỗng. Giọng văn phải kết hợp giữa lí luận và suy tư cảm xúc.

**Dàn ý khái quát**.

a) Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, đoạn trích..

- Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

b) Thân bài:

 - Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).

- Cần chú ý khai thác từ ngữ, câu văn, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.

- Diễn đạt phải rõ ràng, Giọng văn phải kết hợp giữa lí luận và suy tư cảm xúc.

- Mở rộng so sánh để bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh tóm tắt hoặc kể xuôi, viết lan man.

c) Kết bài:

 - Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật tác phẩm hoặc đoạn trích.

- Tuỳ vào từng đề bài mở rộng, liên hệ với đời sống

**LUYỆN TẬP:**

**ĐỀ 1:**

***Phần I. Đọc hiểu (3.0 điểm):***

 ***Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi***

 Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

Từ bức tranh ta được xem ngày nhỏ

Từ những người bạn tốt vẫn cùng ta

Thường đi học và chơi chung một phố.

Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu

Từ bài hát mẹ ta ru âu yếm,

Từ những cái ta quyết giữ vẹn tròn

Cả trong những giờ khó khăn nguy hiểm.

Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

Từ chiếc ghế ta vẫn ngồi trước ngõ,

Từ cây phong đơn độc giữa cánh đồng

Khẽ chào nhẹ mỗi lần có gió.

Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu

Từ bài hát đầu xuân con sáo hát

Từ con đường ven xóm nhỏ quanh co

Và biến mất trong sương chiều xanh nhạt.

Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

Từ ánh đèn nhà ai đang run rẩy,

Từ chiếc mũ bố ta đội ngày xưa,

Mà bất chợt trong hòm ta lại thấy.

Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu

Từ tiếng gõ của con tàu mệt mỏi

Từ lời thề mà thời trẻ yêu nhau

Ta giấu kín trong tim không dám nói.

Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

*(“Tổ quốc bắt đầu từ đâu?”, M.L.Matusovski - Thái Bá Tân dịch )*

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên. Trích dẫn ba câu thơ có xuất hiện hình ảnh nhân vật trữ tình.

Câu 2 (1.0 điểm). Những hình ảnh “bức tranh ta được xem từ nhỏ”, “con đường ven xóm nhỏ quanh co”, “chiếc mũ bố ta đội ngày xưa”, “lời thề mà thời trẻ yêu nhau” đã gợi cho anh/chị về những điều gì?

Câu 3 (0.75 điểm). Dựa vào bài thơ của M.L. Matusovski, anh/chị hãy trả lời câu hỏi “Tổ quốc bắt đầu từ đâu?”

Câu 4 (0.75 điểm). Điểm gặp giữ và khác biệt trong quan niệm của Nguyễn Khoa Điềm qua câu thơ: “Đất Nước có trong những cái ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể” so với quan niệm của M.L. Matusovski qua hai câu thơ “Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu/Từ bài hát mẹ ru ta âu yếm” là gì?

***Phần II. Làm văn (7.0 điểm)***

Câu 1 (2.0 điểm). Từ nội dung bài thơ trong phần Đọc hiểu, anh /chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về vấn đề “Yêu nước bằng trái tim nóng và cái đầu lạnh”

Câu 2 (5.0 điểm)

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan,

Dân công đỏ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay,

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng như ngày mai lên

Tin vui chiến thắng trăm miền

Hòa bình, Tây Bắc, Điện Biên vui vẻ

Vui từ Đồng Tháp, An Khê

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”

(Trích Việt Bắc, Tố Hữu, SGK Ngữ văn 12 tập một, NXBGD Việt Nam 2018, trang 112)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét ngắn gọn về tính sử thi trong thơ Tố Hữu.

**ĐỀ 2:**

**Phần 1: Đọc hiểu văn bản (3 điểm)**

***Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi***

Tại sao phải có cơn mưa này? Tại sao ta phải thất bại? Tôi nghĩ tốt hơn tôi nên đặt câu hỏi theo cách khác: Tại sao ta phải trải qua những kinh nghiệm thất bại? Để minh họa cho điều này, có lẽ tốt hơn cả là nêu vài ví dụ.

Có bao giờ bạn thấy một viêm kim cương ở dạng thô chưa? Tôi dám chắc là bây giờ có đặt các viên kim cương chưa được cắt gọt trước mặt, nhiều người trong chúng ta cũng không nhận ra đó là kim cương. Chúng chỉ giống như những viên đá nhám bình thường. […] Các viên đá nhám ấy đã được gia công thế nào để thành những viên kim cương xinh xắn mà bất cứ người phụ nữ nào cũng yêu thích? Bằng cách đánh bóng ư! Đúng thế, viên kim cương thô ráp được đánh bóng và được mài giũa nhiều lần. Nó phải trải qua tất cả những lần đánh bóng để “kim cương” hiện ra. Điều tương tự cũng xảy ra với chúng ta.

[…] Nếu ngắm nhìn bầu trời ban đêm, ta sẽ nhận ra rằng trời càng tối, các vì sao càng sáng! Tại sao ban ngày ta không thể nhìn thấy sao trời? Không phải các vì sao không có ở đó mà là vì có quá nhiều ánh nắng! Ta cần bóng tối để làm các vì sao nổi bật.

(Billi P.S. Lim, Dám thất bại, Trần Hạo Nhiên dịch, Nxb Trẻ, tr.32-33, 2012)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. (0.5 điểm)

Câu 2. Anh/Chị hiểu như thế nào về cụm từ *điều tương tự* được tác giả nhắc đến trong văn bản? (0.5 điểm)

Câu 3. Tác giả đã sử dụng những dẫn chứng nào để minh họa cho các quan điểm của mình. Các dẫn chứng có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện nội dung của văn bản? (1.0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị có đồng ý với quan điểm: “Ta cần bóng tối để làm các vì sao nổi bật”? Vì sao? (1.0 điểm)

**Phần 2: Làm văn (7 điểm)**

***Câu 1. (2.0 điểm)***

Từ nội dung của văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa việc khám phá giá trị bên trong của mỗi người.

***Câu 2. (5.0 điểm)***

Cảm nhận đoạn thơ sau để làm nổi bật sự kết hợp giữa bút pháp tả thực và cảm hứng lãng mạn trong thơ Quang Dũng.

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Trích Tây Tiến, Quang Dũng, Ngữ văn 12, Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam)

**ĐỀ 3:**

**I. Đọc hiểu văn bản (3 điểm)**

*Đọc văn bản và trả lời câu hỏi*

6 bài học từ U23 Việt Nam

1. Nếu tuyết không rơi, sao ta biết mình có thể chơi được tốt đến đâu trong tuyết. Nên nghịch cảnh không phải là kẻ thù, mà là trợ lực để ta khám phá giới hạn của mình.

2. Cách ta chơi quan trọng hơn kết quả. Cách ta sống quan trọng hơn những tài sản mà mình thu vén được. Cứ chơi đẹp, sống tốt thì thắng thua được mất thế nào cũng có người nể trọng và yêu quý.

3. Muốn gặt hái những thành quả bình thường không thể thiếu sự trui rèn. Muốn gặt hái những thành công phi thường không thể thiếu niềm tin và ý chí.

4. Kĩ thuật làm nên cầu thủ giỏi, văn hóa làm nên cầu thủ fairplay. Kiến thức làm nên con người giỏi, vốn sống làm nên con người đẹp.

5. Cầu thủ giỏi cũng cần gặp đúng huấn luyện viên. Học trò muốn giỏi cần gặp đúng thầy. Hãy tìm những người thầy dạy ta cách hiểu mình và tin vào chính mình, chứ không phải tin vào những chiêu trò, xảo thuật.

6. Khi cầu thủ đá bóng vì một dân tộc đằng sau lưng, họ trở thành những con người khác. Ta cũng có thể trở thành một con người khác hạnh phúc và lớn lao hơn khi ta biết sống không chỉ vì bản thân mình.

(Theo nhanvanblog.com)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Phép tu từ cú pháp từ bài học 2-5 là phép tu từ cú pháp gì? Nêu hiệu quả của việc sử dụng phép tu từ cú pháp đó. (1.0 điểm)

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nhận định: “Kiến thức làm nên con người giỏi, vốn sống làm nên con người đẹp.”? (0,5 điểm)

Câu 4. Hãy chỉ ra cách lập luận chung của 6 bài học và điều chung nhất được rút ra qua 6 bài học từ U23 Việt Nam là gì?

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

***Câu 1. (2,0 điểm)***

Từ văn bản phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về bài học thứ 6: “Khi cầu thủ đá bóng vì một dân tộc đằng sau lưng, họ trở thành những con người khác. Ta cũng có thể trở thành một con người khác hạnh phúc và lớn lao hơn khi ta biết sống không chỉ vì bản thân mình.”

***Câu 2: (7,0 điểm)***

Nhận xét về hình tượng người lái đò trong thiên tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân, có ý kiến cho rằng: “Trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc, ông đò là vị chỉ huy trí dũng tuyệt vời”. Ý kiến khác lại cho rằng: “Trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh, ông đò là người nghệ sĩ có “tay lái ra hoa”.
Bằng cảm nhận về hình tượng người lái đò, hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) về các ý kiến trên.